

Số: 1019 /2023/ĐKBSHD-HTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2023.

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa

1. Tên cơ sở đăng ký: Trường Trung cấp Công nghệ Hà Nội

2. Địa chỉ trụ sở chính: Xã Dương Hà, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.2204.3939

Email: trungcapcongnghehanoi.edu.vn@gmail.com

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số:

28/GCNDKHHĐ-SLĐTBXH Cấp ngày: 29/06/2017

Cơ quan cấp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hà Nội

4. Nội dung đăng ký bổ sung:

a) Địa điểm đăng ký bổ sung: **Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Cẩm Thủy**

Địa chỉ: Tổ dân phố Đại Đồng, Thị trấn Phong Sơn, Huyện Cẩm Thủy

b) Lý do đăng ký bổ sung: Tăng quy mô tuyển sinh tại địa điểm liên kết đào tạo

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	40510339	70	Trung cấp

5. Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng những quy định pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT



ThS. Bùi Thanh Phương

Số: 1020/2023/ĐKBSHĐ-HTC

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp

Địa điểm đào tạo: Trung tâm GDNN&GDTX huyện Cẩm Thủy

Địa chỉ: Tổ dân phố Đại Đồng, Thị trấn Phong Sơn, Huyện Cẩm Thủy

I. Ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

- Trình độ đào tạo: Trung cấp.

- Quy mô tuyển sinh/năm: 70

1. Lý do đăng ký bổ sung:

Tăng quy mô tuyển sinh tại địa điểm liên kết đào tạo

2. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 02 phòng diện tích 80 m²/phòng;

- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 2 phòng thực hành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí 60 m²

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo

(Tên, đơn vị tính, số lượng và Hồ sơ chứng minh về thiết bị, dụng cụ đào tạo chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo)

3. Nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo của từng ngành, nghề: người (cơ hữu, thỉnh giảng)

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 25/1

c) Nhà giáo cơ hữu: 13 nhà giáo

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Văn Sơn	ĐH SP Giáo dục thể chất	Đại học Sư phạm		GD Thể chất GDQP -AN



2	Phạm Thúy Hoa	ĐH SP Tiếng Anh	Đại học Sư phạm		Tiếng Anh
3	Bùi Thị Thương	ĐH SP Tiếng Anh	Đại học Sư phạm		Tiếng Anh
4	Lê Đức Chinh	ĐH SP Tin Học	Đại học Sư phạm		Tin học
5	Phạm Thị Ngà	ĐH SP Giáo dục công dân	Cao đẳng		GD Chính trị GD Pháp luật
6	Đỗ Thanh Hoa	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Đại học		Tiếng Anh chuyên ngành
7	Đỗ Văn Ánh	Cử Nhân Sư phạm Công nghệ cơ khí Cử nhân cao đẳng Sư phạm Cơ khí chế tạo máy	Cử nhân		-Vẽ kỹ thuật -Cơ kỹ thuật -Hệ thống điều hòa không khí trung tâm -Thực tập hàn Thực tập gò
8	Trần Văn Linh	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Đại học		-Cơ sở kỹ thuật điện -Vật liệu điện lạnh
9	Đặng Kim Hà	Kỹ sư Thiết bị điện - điện tử	Đại học		-Cơ sở kỹ thuật nhiệt-lạnh và điều hòa không khí

10	Vũ Tiến Dũng	Kỹ sư Thiết bị điện - điện tử	Đại học		-Máy điện Trang bị điện -Kỹ thuật điện tử
11	Nguyễn Bảo Lâm	Kỹ sư Thiết bị điện - điện tử	Đại học		-Hệ thống điều hòa không khí cục bộ -Đo lường điện - lạnh -An toàn lao động, điện - lạnh và vệ sinh công nghiệp
12	Phạm Thành Công	Kỹ sư Điện khí hóa & Cung cấp điện	Đại học		-Vẽ kỹ thuật -Cơ kỹ thuật -Hệ thống điều hòa không khí trung tâm
13	Ngô Ngọc Sơn	Thạc sĩ Sư phạm Kỹ thuật	Thạc sỹ		-Cơ kỹ thuật -Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí -Hệ thống lạnh dân dụng và thương nghiệp

d) Nhà giáo thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1						
2						

(Có hồ sơ chứng minh kèm theo)

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí

Mã ngành, nghề: 40510339

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học, mô đun : 30 môn học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 54 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 210 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2340 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 720 giờ; Thực hành, thực tập: 1620 giờ

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục chính trị*, NXB Giáo dục Việt Nam

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.

- Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, *Giáo trình Tin học Đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

- Nguyễn Văn Đạm. Cơ kỹ thuật - NXB GD 1992

- Vũ Đình Lai, Nguyễn Văn Nhâm. Cơ học kỹ thuật - NXB GD 1992.

- Nguyễn Văn Vượng. Cơ học ứng dụng - NXB ĐH-THCN 2001.

- Nguyễn Văn Vượng. Sức bền vật liệu - NXB ĐH-THCN 1998.

- VDorop N.M, BeXpanko A.G . Tuyển tập bài tập cơ học kỹ thuật - NXB ĐH-THCN 1980.

- Vụ trung học chuyên nghiệp – dạy nghề. *Giáo trình Kỹ thuật điện* – NXB giáo dục. 2002;

- Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội. *Giáo trình Điện kỹ thuật* – NXB Hà Nội. 2007;

- Bùi Hải và Trần Thế Sơn. *Kỹ thuật nhiệt*. NXB Giáo dục.

- Nguyễn Đức Lợi, Phạm Văn Tuy. Thông gió và điều hoà không khí. NXB Khoa học và kỹ thuật.
- Nguyễn Đức Lợi, Phạm Văn Tuy. Kỹ thuật Lạnh cơ sở. NXB giáo dục Hà Nội, 1996.
- Thông tư số 10/2003/TT - LĐTBXH ngày 18/04/2003
- TCVN 4244 - 2005
- Nghị định 181/CP ngày 18/12 năm 1964
- Hà Đăng Trung, Nguyễn Quân. Điều tiết không khí. NXB Khoa học kỹ thuật - 1997.
- Nguyễn Đức Lợi. Kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh. NXB Giáo dục - 2007.
- Trần Khánh Dư. Máy điện tập 1. NXB Khoa học kỹ thuật. 1997.
- Trần Khánh Dư. Máy điện tập 2. NXB Khoa học kỹ thuật. 1997.
- Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội. Giáo trình Truyền động điện, cung cấp điện, trang bị điện. NXB Hà Nội. 2007.
- Nguyễn Đức Lợi. Tự động hoá trong hệ thống lạnh. NXB Giáo dục.
- Thực hành kỹ thuật Cơ điện lạnh – NXB Đà Nẵng 2004
- Automatic Control Refrigerating – Korea Technology Eng. Co., LTD 2005
- TS. Nguyễn Viết Nguyên. Giáo trình linh kiện điện tử và ứng dụng. NXB Giáo dục. 2002.
- Võ Thạch Sơn. Linh kiện bán dẫn và vi điện tử. NXB Khoa học và kỹ thuật. 2001
- Đỗ Xuân thụ. Kỹ thuật điện tử. NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp. 1990.
- Lê văn Doanh. Kỹ thuật điện tử qua sơ đồ. NXB Khoa học và kỹ thuật. 1997.
- Điện tử công nghiệp- NXB Khoa học và kỹ thuật.

(Chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT



ThS. Bùi Thanh Phương

